

TP.HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ
THÁNG 03 NĂM 2026**

(Căn cứ Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025)

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA		TAL	AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	APG			APG
12	ASM			ASM
13	AST			AST
14	BAF			BAF
15	BCM			BCM
16	BFC			BFC
17	BIC			BIC
18	BID			BID
19	BMC			BMC
20	BMI			BMI
21	BMP			BMP
22	BSI			BSI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
23	BSR			BSR
24	BTP			BTP
25	BVH			BVH
26	BWE			BWE
27	CCL			CCL
28	CDC			CDC
29	CHP			CHP
30	CII			CII
31	CKG			CKG
32	CMG			CMG
33	CNG			CNG
34	CRC			CRC
35	CRE			CRE
36	CSM			CSM
37	CSV			CSV
38	CTD			CTD
39	CTF			CTF
40	CTG			CTG
41	CTI			CTI
42	CTR			CTR
43	CTS			CTS
44	D2D			D2D
45	DBC			DBC
46	DBD			DBD
47	DC4			DC4
48	DCL			DCL
49	DCM			DCM
50	DGC			DGC
51	DGW			DGW
52	DHA			DHA
53	DHC			DHC
54	DHG			DHG
55	DIG			DIG
56	DPG			DPG
57	DPM			DPM
58	DPR			DPR
59	DRC			DRC
60	DSE			DSE
61	DSN			DSN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
62	DVP			DVP
63	DXG			DXG
64	DXS			DXS
65	EIB			EIB
66	ELC			ELC
67	EVF			EVF
68	FCN			FCN
69	FMC			FMC
70	FPT			FPT
71	FRT			FRT
72	FTS			FTS
73	GAS			GAS
74	GEE			GEE
75	GEG			GEG
76	GEX			GEX
77	GMD			GMD
78	GSP			GSP
79	GVR			GVR
80	HAG			HAG
81	HAH			HAH
82	HAX			HAX
83	HCD			HCD
84	HCM			HCM
85	HDB			HDB
86	HDC			HDC
87	HDG			HDG
88	HHP			HHP
89	HHS			HHS
90	HHV			HHV
91	HPG			HPG
92	HSG			HSG
93	HT1			HT1
94	HTG			HTG
95	HTI			HTI
96	HTN			HTN
97	HUB			HUB
98	HVH			HVH
99	ICT			ICT
100	IDI			IDI

P: 72
CỘNG
CỔ P
HỨNG
LPB
ÔN - T

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
101	IJC			IJC
102	IMP			IMP
103	ITC			ITC
104	KBC			KBC
105	KDC			KDC
106	KDH			KDH
107	KHG			KHG
108	KHP			KHP
109	KOS			KOS
110	KSB			KSB
111	LBM			LBM
112	LCG			LCG
113	LHG			LHG
114	LIX			LIX
115	LPB			LPB
116	LSS			LSS
117	MBB			MBB
118	MCM			MCM
119	MIG			MIG
120	MSB			MSB
121	MSH			MSH
122	MSN			MSN
123	MWG			MWG
124	NAB			NAB
125	NAF			NAF
126	NCT			NCT
127	NHA			NHA
128	NHH			NHH
129	NKG			NKG
130	NLG			NLG
131	NNC			NNC
132	NT2			NT2
133	NTL			NTL
134	OCB			OCB
135	OPC			OPC
136	ORS			ORS
137	PAC			PAC
138	PAN			PAN
139	PC1			PC1

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
179	TCL			TCI
180	TCM			TCL
181	TCO			TCM
182	TCT			TCO
183	TDC			TCT
184	TDM			TDC
185	THG			TDM
186	TIP			THG
187	TLG			TIP
188	TMS			TLG
189	TPB			TMS
190	TRC			TPB
191	TTA			TRC
192	TV2			TTA
193	TVS			TV2
194	VCB			TVS
195	VCG			VCB
196	VCI			VCG
197	VDS			VCI
198	VFG			VDS
199	VGC			VFG
200	VHC			VGC
201	VHM			VHC
202	VIB			VHM
203	VIC			VIB
204	VIP			VIC
205	VIX			VIP
206	VJC			VIX
207	VND			VJC
208	VNM			VND
209	VPB			VNM
210	VPD			VPB
211	VPI			VPD
212	VPL			VPI
213	VRE			VPL
214	VSC			VRE
215	VTP			VSC
216	YEG			VTP
217				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BVS			BVS
2	C69			C69
3	CDN			CDN
4	CEO			CEO
5	DHT			DHT
6	DP3			DP3
7	DTD			DTD
8	DVM			DVM
9	DXP			DXP
10	HUT			HUT
11	HVT			HVT
12	IDC			IDC
13	IDV			IDV
14	IPA			IPA
15	KSV			KSV
16	L14			L14
17	L40			L40
18	LAS			LAS
19	LHC			LHC
20	MBS			MBS
21	NAG			NAG
22	NBC			NBC
23	NDN			NDN
24	NTP			NTP
25	PLC			PLC
26	PSD			PSD
27	PSI			PSI
28	PVB			PVB
29	PVC			PVC
30	PVG			PVG
31	PVI			PVI
32	PVS			PVS
33	S99			S99
34	SED			SED
35	SHS			SHS
36	SLS			SLS
37	SZB			SZB



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
38	TDT			TDT
39	THD			THD
40	TNG			TNG
41	TVD			TVD
42	VC3			VC3
43	VCS			VCS
44	VFS			VFS
45	VGS			VGS
46	VNR			VNR
47	VTZ			VTZ

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của Công ty:

<https://www.lpbs.com.vn/danh-muc-ky-quy-news33>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Người lập



VÕ ĐẶNG NHƯ QUỲNH

Kiểm soát



ĐÀO MINH ĐỨC

Giám đốc Điều hành

Khôi Vận hành



HOÀNG CÔNG NGUYÊN VŨ